TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẬP THẠCH** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 50/2022/HSST
Ngày 29 tháng 7 năm 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Khuyên.
2. Ông Đào Quyết Chiến.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lại Phương Thúy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Phương Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 45/2022/HSST ngày15 tháng 7 năm 2022theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXXST-HS ngày18 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Xuân T, sinh ngày 13/01/1996; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thôn Á, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1973 và bà Trần Thị N, sinh năm 1972; vợ: Phạm Thị T, sinh năm 1989; con: có 02 con lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2021; tiền sự: Không.

Tiền án: 01, Bản án số 43/2019/HSST ngày 27/6/2019, Toà án nhân dân huyện Lập Thạch xử phạt 10 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản",(trị giá tài sản 2.130.000 đ)* chấp hành xong hình phạt tù và các quyết định khác của Bản án ngày 08/5/2020, hiện chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/5/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

-Bị hại: Chùa A - địa chỉ: thôn Q, xã S, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Người đại diện theo pháp luật: Bà Đào Thị L, sinh năm 1952 (vắng mặt) - trụ trì Chùa A thuộc thôn Q, xã S, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990 (vắng mặt); trú tại: Chùa A thuộc thôn Q, xã S, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Dương Văn C, sinh năm

1978 (vắng mặt); Trú tại: TDP P, thị trấn L, huyện L, Vĩnh Phúc. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1952 (có mặt); trú tại: thôn H, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tạiphiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền để tiêu sài cá nhân nên khoảng 13 giờ ngày 16/03/2022, Nguyễn Xuân T từ nhà một mình đi bộ lang thang xem ai có tài sản sơ hở thì trộm cắp. Khoảng 18 giờ cùng ngày, T đi đến Chùa A thuộc thôn Q, xã S, huyện L thì thấy cổng chùa đóng, quan sát thấy không có người qua lại nên T trèo tường rào vào bên trong Chùa rồi tiếp tục trèo vào nhà Tam Bảo của Chùa A. Tại đây, T nhìn thấy 01 chiếc chuông bằng đồng nặng 18,8kg, đường kính 33cm, cao 26cm (được phật tử cung tiến năm 2002) để ở giữa nhà Tam Bảo nên dùng hai tay vác chiếc chuông, mở cửa nhà Tam Bảo đi ra rồi trèo tường rào ra ngoài khuôn viên Chùa, giấu chiếc chuông ở bụi cây gần tường rào Chùa A để đi mượn xe chở chuông đi tiêu thụ. Khi đi đến thôn L, xã V, T gặp anh V người ở xã V, huyện L (nhưng không rõ họ tên đầy đủ và địa chỉ cụ thể) đang đi xe đạp điện ngược chiều nên T hỏi và được anh V cho mượn xe. Sau đó, T một mình điều khiển xe đạp điện quay lại chở chiếc chuông vừa trộm cắp được đến cửa hàng thu mua phế liệu của anh Dương Văn C ở TDP P, Thị trấn L, huyện L để bán nhưng anh C sợ là đồ thờ cúng nên không mua. Do quen biết từ trước nên T hỏi và được anh C cho vay 200.000đ rồi T bỏ lại chiếc chuông ở gốc cây trước cửa quán thu mua phế liệu của anh C, đậy tấm bìa cát tông lại rồi đi xe đạp điện về chỗ hẹn trả cho anh V. Sau đó, T một mình đi đến cổng chợ xã T mua 01 gói ma túy của một người không biết tên, địa chỉ rồi sử dụng hết. Đến sáng 17/3/2022, không thấy T đến lấy lại chuông, anh C gọi điện cho T nhưng không liên lạc được nên đã đem chiếc chuông trên đến gửi tại Chùa Chiền thuộc tổ dân phố P, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc do ông Nguyễn Văn Đ – Phó Ban hộ tự Chùa trực tiếp nhận. Cùng ngày, Ban trụ trì Chùa A có đơn trình báo đến Công an huyện Lập Thạch, Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc chuông nêu trên để điều tra, xử lý và triệu tập T đến làm việc. Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Xuân T đã khai nhận rõ hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu trên.

Ngày 25/4/2022, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Lập Thạch có Kết luận số 16/KL-HĐĐG kết luận: 01 chiếc chuông bằng đồng nặng 18.8kg, đường kính 33cm, cao 26cm được định giá là: 11.280.000đ.

Đối với người đàn ông tên V ở xã V, huyện L đã cho T mượn xe đạp điện và người đàn ông ở khu vực cổng chợ T đã bán ma túy cho T, cơ quan điều tra đã xác minh tại xã V, huyện L và khu vực chợ xã T nhưng không xác định được người có đặc điểm như T đã khai nên tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ xử lý sau là có căn cứ.

Đối với anh Dương Văn C và ông Nguyễn Văn Đ không biết chiếc chuông đồng là tài sản do T phạm tội mà có, bản thân anh C và ông Đ không mua bán và cầm cố chiếc chuông nêu trên nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

**** Về xử lý vật chứng vụ án và trách nhiệm dân sự:***

01 chiếc chuông bằng đồng nặng 18.8kg, đường kính 33cm, cao 26cm là tài sản hợp pháp của chùa A thuộc thôn Q, xã S, huyện L ngày 15/6/2022 Cơ quan điều tra đã trả lại cho Chùa A là đúng chủ sở hữu và không có yêu cầu đề nghị gì.

Đối với số tiền 200.000đ của anh C cho T mượn nhưng anh C không có yêu cầu, đề nghị gì nên không xem xét giải quyết.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Xuân T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số: 52/CT-VKS ngày 14 tháng 7 năm 2022 Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch truy tố bị cáoNguyễn Xuân T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch luận tội đối với bị cáo Nguyễn Xuân T. Giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Xuân T, xử phạt: Bị cáoT từ 15 tháng đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; về vật chứng xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch đã truy tố và thừa nhận hành vi phạm tội của mình,bị cáo nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo Nguyễn Xuân T nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án,căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lập Thạch, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định

tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Xuân T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như sau:

Lợi dụng trời tốt ít người qua lại khu vực Chùa A thuộc thôn Q, xã S, huyện L nên khoảng 18 giờ ngày 16/03/2022, Nguyễn Xuân T, sinh năm 1996 trú tại thôn Á, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc đã trộm cắp 01 chiếc chuông bằng đồng nặng 18.8kg trị giá 11.280.000đ của Chùa A đem đi bán lấy tiền tiêu sài cá nhân nhưng chưa kịp tiêu thụ thì bị phát hiện, thu giữ.

Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của chính bị cáo, lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập theo trình tự của Bộ luật tố tụng hình sự được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Xuân T đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đ đến dưới 50.000.000đ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm."

Do đó bản cáo trạng số: 52/CT-VKS, ngày 14/7/2022của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Nguyễn Xuân T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tạikhoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo còn trẻ, không chịu tu dưỡng rèn luyện, để có tiền tiêu sài cá nhân đã trộm cắp tài sản, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Đối chiếu với yêu cầu phòng chống tội phạm ở địa phương cần xử phạt bị cáo nghiêm minh tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo, có như vậy mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe những kẻ khác góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm.

[4] Về nhân thân của bị cáo cũng như các tình tiết xem xét giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo phạm tội nhưng chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng "tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự.Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Nên bị cáo được hưởng tình tiết quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối chiếu với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cần xử phạt tù cách ly bị cáo một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo chở thành người công dân tốt, luôn có ý thức pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật

hình sự quy định: *"Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ"*. Tuy nhiên, bị cáo không có công việc ổn định, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra người người đại diện theo ủy quyền của bị hại đã nhận đủ và không đề nghị gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với số tiền 200.000đ của anh C cho T mượn nhưng anh C không có yêu cầu, đề nghị gì nên không xem xét giải quyết.

[7] Đối với người đàn ông tên V ở xã V, huyện L đã cho T mượn xe đạp điện và người đàn ông ở khu vực cổng chợ T đã bán ma túy cho T, cơ quan điều tra đã xác minh tại xã V, huyện L và khu vực chợ xã T nhưng không xác định được người có đặc điểm như T đã khai nên tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ xử lý sau là có căn cứ.

Đối với anh Dương Văn C và ông Nguyễn Văn Đ không biết chiếc chuông đồng là tài sản do T phạm tội mà có, bản thân anh C và ông Đ không mua bán và cầm cố chiếc chuông nêu trên nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

[8] . Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 bộ luật hình sự và điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

01 chiếc chuông bằng đồng nặng 18.8kg, đường kính 33cm, cao 26cm là tài sản hợp pháp của chùa A thuộc thôn Q, xã S, huyện L, ngày 15/6/2022 Cơ quan điều tra đã trả lại cho Chùa A là đúng chủ sở hữu và không có yêu cầu đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Xuân Tphải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1.Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội " Trộm cắp tài sản".

2. Hình phạt: Áp dụng: khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Xuân T.

Xử phạt: Bị cáoNguyễn Xuân T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 13/5/2022.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 21 nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án bị cáo Nguyễn Xuân T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để xét xử phúc thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án

trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết tại Uỷ ban nhân dân nơi cư trú của người vắng mặt.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà
(đã ký tên và đóng dấu)

TrầnThị Huệ

Nơi nhận:
-Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
-Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
-Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch;
-Chi cục Thi hành án huyện Lập Thạch;
-Công an huyện Lập Thạch;
-Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
-Uỷ ban nhân dân xã Đình Chu
-Bị cáo;
-Bị hại;
-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
-Lưu: hồ sơ, án văn.